**DỰ THẢO ĐỀ ÁN**

**Triển khai thực hiện cam kết của Việt Nam tại Hội nghị COP26**

**I. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU**

**1. Quan điểm**

a) Đẩy mạnh ứng phó với biến đổi khí hậu thông qua phát triển các-bon thấp, chuyển đổi năng lượng từ nhiên liệu hóa thạch sang năng lượng tái tạo hướng tới mục tiêu đạt mức trung hòa các-bon đã trở thành xu thế tất yếu của thời đại, mang lại những cơ hội lớn để chuyển đổi mô hình đầu tư, phát triển trên phạm vi toàn cầu.

b) Việt Nam đã chủ động có những cam kết hành động mạnh mẽ cùng với cộng đồng quốc tế thực hiện mục tiêu đạt mức trung hòa các-bon vào năm 2050, chuyển đổi điện than sang năng lượng sạch mở ra những cơ hội hợp tác mới cho phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới theo hướng ít phát thải, xanh, tuần hoàn.

c) Việt Nam cần nắm bắt kịp thời các cơ hội hợp tác từ xu thế chung của toàn cầu và dựa trên lợi thế của Việt Nam (năng lượng tái tạo, khả năng đổi mới sáng tạo…) để huy động toàn xã hội tham gia thực hiện các cam kết; đón đầu, thu hút hiệu quả các dòng vốn đầu tư, tín dụng xanh cho mục tiêu đạt mức trung hòa các-bon; phát triển hạ tầng giao thông đô thị xanh, ứng dụng công nghệ ít phát thải; phát triển thị trường các-bon trong nước và tiến tới kết nối với thị trường khu vực và thế giới.

**2. Mục tiêu**

a) Mục tiêu tổng quát

Xây dựng và triển khai các nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu và chuyển đổi năng lượng nhằm thực hiện mục tiêu đạt mức trung hòa các-bon vào năm 2050.

b) Mục tiêu cụ thể

- Đổi mới thể chế, chính sách vàtháo gỡ kịp thời những vướng mắc về thủ tục, tạo thuận lợi để đưa các dòng vốn đầu tư, các dòng tài chính xanh của các định chế tài chính, tổ chức tín dụng quốc tế vào Việt Nam; thể chế hóa mô hình phát triển các-bon thấp, kinh tế tuần hoàn.

- Chuyển đổi năng lượng và công nghiệp,thực hiện lộ trình phát triển hệ thống giao thông đồng bộ phát thải các-bon thấp,phát triển hạ tầng đô thị xanh;triển khai các giải pháp công nghệ về lưu trữ, chôn lấp các-bon, các biện pháp quản lý chất thải theo mô hình tuần hoàn, cắt giảm phát thải khí mê-tan phù hợp với mục tiêu cam kết.

- Bảo tồn, lưu trữ các nguồn tài nguyên thiên nhiên, phục hồi và phát triển các hệ sinh thái tự nhiên; bảo vệ và sử dụng bền vững rừng và đất lâm nghiệp; trồng rừng, phát triển rừng, phục hồi rừng, nâng cao chất lượng và trữ lượng các-bon rừng; phát triển nông nghiệp thông minh, ít phát thải khí nhà kính.

- Đầu tư phát triển hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo đảm phòng chống thiên tai; triển khai các giải pháp thích ứng dựa vào thiên nhiên, cộng đồng.

- Đẩy mạnh ngoại giao khí hậu, môi trường, tăng cường nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ ít phát thải, truyền thông và tăng cường năng lực theo lộ trình thực hiện cam kết.

**II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**

**1.Đổi mới thể chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch**

- Tập trung rà soát, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách để tháo gỡ các vướng mắc về thủ tục, tạo thuận lợi để đưa các dòng vốn đầu tư, các dòng tài chính xanh của các định chế tài chính, tổ chức tín dụng quốc tế vào Việt Nam; thu hút các tập đoàn quốc tế, tập đoàn đa quốc gia vào Việt Nam hợp tác và triển khai các dự án, đặc biệt là các dự án chuyển đổi năng lượng.

- Thể chế hóa mô hình phát triển các-bon thấp, kinh tế tuần hoàn; tập trung xây dựng Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050, Kế hoạch hành động giảm phát thải khí mê-tan đến năm 2030, Kế hoạch hành động của các lĩnh vực thực hiện mục tiêu đạt mức trung hòa các-bon.

- Tập trung xây dựng và phát triển thị trường các-bon trong nước, kết nối với thị trường khu vực và thế giới; xây dựng và tổ chức thực hiện các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon và hạn ngạch phát thải khí nhà kính, nghiên cứu đề xuất hình thành Quỹ giảm phát thải khí nhà kính.

- Rà soát, cập nhật, bổ sung các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển phù hợp với các mục tiêu cam kết đạt mức trung hòa các-bon.

**2.Chuyển đổi năng lượng và công nghiệp**

- Rà soát, hoàn thiện và triển khai Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 phù hợp với mục tiêu cam kết; xây dựng kế hoạch quốc gia về chuyển đổi năng lượng thực hiện Tuyên bố toàn cầu về chuyển đổi điện than sang năng lượng sạch.

- Phát triển điện gió ngoài khơi và các dự án năng lượng tái tạo; sử dụng nhiên liệu Amoniac, Hydrogen; phát triển năng lượng hạt nhân thế hệ mới; lưu trữ năng lượng, xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng năng lượng mới, không phát thải; phát triển công nghệ lưu giữ các-bon.

- Triển khai các hoạt động nhằm hướng tới mục tiêu chấm dứt sản xuất xe chạy bằng xăng, dầu từ nay đến năm 2040.

**3.Hạ tầng xây dựng và giao thông**

- Phát triển phương tiện giao thông điện chạy pin trên toàn quốc; xây dựng quy hoạch hệ thống giao thông đồng bộ phát thải các-bon thấp (đường sắt, đường bộ, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không); điện khí hóa 07 tuyến đường sắt quốc gia hiện có, đầu tư xây dựng mới 17 tuyến đường sắt quốc gia sử dụng năng lượng điện, 03 tuyến đường sắt tốc độ cao quốc gia Bắc - Nam.

- Chuyển đổi từ phương tiện cá nhân sang phương tiện công cộng thông qua việc mở rộng hệ thống xe bus, BRT, triển khai hệ thống metro, xây dựng hệ thống đường sắt đô thị (Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh); thay đổi nhiên liệu bằng cách khuyến khích sử dụng nhiên liệu sinh học, xe máy điện, xe bus CNG, xe cá nhân và xe buýt điện.

- Chuyển đổi phương tiện thủy nội địa, đội tàu biển, tàu bay theo hướng phát thải ròng khí nhà kính bằng “0” vào năm 2050.

- Rà soát, cập nhật quy hoạch phát triển hạ tầng đô thị xanh phù hợp với mục tiêu cam kết; triển khai các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng, phát triển các công trình xây dựng, hạ tầng đô thị; áp dụng các công nghệ năng lượng mới trong sản xuất và vận hành các toà nhà, phát triển tòa nhà xanh.

**4.Nông nghiệp, lâm nghiệp và sử dụng đất**

- Bảo vệ, bảo tồn và sử dụng bền vững rừng và đất lâm nghiệp để tăng lượng hấp thụ các-bon rừng; trồng rừng, phát triển rừng, phục hồi rừng phòng hộ và rừng đặc dụng, khoanh nuôi phục hồi rừng tự nhiên, xúc tiến tái sinh và làm giàu rừng; nâng cao chất lượng và trữ lượng các-bon rừng. Triển khai các chương trình,dự án hấp thụ các-bon từ rừng ngập mặn, tảo biển (blue carbon). Xây dựng, ban hành Kế hoạch quốc gia thực hiện Tuyên bố Glasgow về rừng và sử dụng đất giai đoạn 2021-2030, định hướng đến năm 2050.

- Đổi mới phương thức quản lý, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ ít phát thải trong trồng trọt, chăn nuôi; cải thiện khẩu phần ăn cho vật nuôi; chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng; thay đổi phương thức sử dụng đất phù hợp với yêu cầu giảm phát thải khí mê-tan. Ứng dụng công nghệ xử lý và tái sử dụng phụ phẩm, chất thải trong sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi; phát triển nông nghiệp thông minh, hữu cơ, hàng hóa tập trung quy mô lớn.

**5.Tài nguyên và môi trường**

- Bảo tồn, lưu trữ các nguồn tài nguyên thiên nhiên, phục hồi và phát triển các hệ sinh thái tự nhiên, bao gồm các hệ sinh thái biển; phát triển tài nguyên số để dần thay thế cho tài nguyên tự nhiên.

- Triển khai các giải pháp công nghệ về lưu trữ, chôn lấp các-bon, đặc biệt là tại mỏ, các tầng địa chất.

- Thực hiện chôn lấp chất thải rắn có thu hồi khí cho phát điện và chôn lấp bán hiếu khí, phát điện sinh khối; nhân rộng mô hình sản xuất phân compost từ chất thải sinh hoạt; xử lý đốt chất thải rắn phát điện. Áp dụng mô hình tuần hoàn xử lý chất thải phục vụ sản xuất vật liệu nhựa sinh học, vật liệu tái chế, thu hồi năng lượng.

**6.Thích ứng với biến đổi khí hậu**

- Đầu tư phát triển hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai cho các khu vực dễ bị tổn thương đặc biệt là khu vực ven biển. Triển khai các giải pháp thích ứng dựa vào thiên nhiên và các giải pháp dựa vào cộng đồng.

- Tăng cường năng lực quan trắc, cảnh báo, dự báo khí tượng thủy văn, thiên tai và năng lực truyền tin; xây dựng hệ thống giám sát biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

- Quy hoạch, bố trí di dời, xây dựng nhà an toàn, sắp xếp lại các khu dân cư, triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn cho người dân ở những vùng thường xuyên bị tác động của thiên tai, đặc biệt là lũ quét, sạt lở đất; những nơi chưa thể di dời, sắp xếp cần lắp đặt hệ thống theo dõi, giám sát, cảnh báo sớm để kịp thời sơ tán dân.

**7.Nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, tăng cường năng lực, nâng cao nhận thức**

- Xây dựng danh mục công nghệ sạch, phát thải các-bon thấp trong các ngành sản xuất để tạo thuận lợi cho huy động đầu tư; ưu tiên phân bổ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo cho phát triển các-bon thấp, tăng trưởng xanh, chú trọng các nhiệm vụ có kinh phí đối ứng của doanh nghiệp.

- Xây dựng và thực hiện Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp quốc gia phục vụ mục tiêu đạt mức trung hòa các-bon; Chương trình truyền thông, nâng cao nhận thức về ứng phó với biến đổi khí hậu; các chương trình giáo dục và đào tạo tích hợp nội dung ứng phó BĐKH ở các cấp học.

**8.An sinh xã hội, chuyển đổi công bằng**

Phát triển các mô hình an sinh xã hội, chuyển đổi công bằng phù hợp với điều kiện tự nhiên, sinh thái, xã hội của các vùng, miền.

**9.Ngoại giao khí hậu**

Đẩy mạnh hoạt động ngoại giao khí hậu, môi trường, huy động hiệu quả nguồn lực quốc tế, nâng cao vai trò và vị thế của Việt Nam tại các tổ chức, cơ chế, diễn đàn đa phương.

*(Chi tiết danh mục các nhiệm vụ nhiệm vụ trọng tâm triển khai kết quả Hội nghị COP26 kèm theo).*

**III. NGUỒN LỰC THỰC HIỆN**

1. Kinh phí thực hiện Đề án được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành, nguồn xã hội hóa, nguồn huy động từ các tổ chức, cá nhân và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

2. Quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện các nhiệm vụ của Đề án áp dụng theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan.

3. Huy động hợp tác hỗ trợ từ các đối tác phát triển, các tổ chức quốc tế, các quỹ và các định chế tài chính, tổ chức tín dụng quốc tế.

**IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Ban Chỉ đạo quốc gia triển khai thực hiện cam kết của Việt Nam tại Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu chỉ đạo, điều phối thực hiện Đề án.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan liên quan giúp Ban Chỉ đạo theo dõi, kiểm tra, đánh giá định kỳ việc triển khai thực hiện Đề án.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan liên quan tổ chức các diễn đàn đối thoại hợp tác quốc tế để triển khai thực hiện cam kết.

- Phối hợp với Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam huy động sự tham gia của khối doanh nghiệp vào thực hiện cam kết.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng kế hoạch huy động nguồn lực thực hiện Đề án theo quy định hiện hành;

- Xây dựng cơ chế huy động nguồn lực đầu tư trong nước và đầu tư trực tiếp nước ngoài cho việc triển khai thực hiện cam kết.

4. Bộ Tài chính

- Bố trí phân bổ kinh phí cho các bộ, cơ quan triển khai thực hiện Đề án theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao trong công tác huy động vốn vay nước ngoài, vốn viện trợ từ các tổ chức quốc tế, song phương cho đầu tư cho biến đổi khí hậu theo quy định của Luật quản lý nợ công, luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn liên quan.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đàm phán, tiếp nhận nguồn viện trợ và vốn vay từ các nhà tài trợ trên cơ sở cân đối với mục tiêu quản lý nợ công của Chính phủ.

5. Bộ Khoa học và Công nghệ

Phân bổ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ cho các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và ứng dụng công nghệ phục vụ thực hiện mục tiêu cam kết.

6. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương liên quan xây dựng các mô hình an sinh xã hội, chuyển đổi công bằng phù hợp với điều kiện tự nhiên, sinh thái, xã hội của các vùng, miền.

7. Bộ Ngoại giao

Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, các bộ, ngành, cơ quan liên quan triển khai các hoạt động ngoại giao khí hậu, nâng cao vai trò và vị thế của Việt Nam tại các tổ chức, cơ chế, diễn đàn đa phương.

8. Bộ Thông tin và Truyền thông

Triển khai các hoạt động thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển tài nguyên số từng bước thay thế cho tài nguyên tự nhiên trong phát triển kinh tế - xã hội. Chỉ đạo các cơ quan báo chí và hệ thống thông tin cơ sở thực hiện truyền thông cho các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia thực hiện mục tiêu cam kết.

9. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, các bộ, ngành, địa phương liên quan thực hiện các hoạt động theophạm vi quản lý và chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Báo cáo định kỳ và đột xuất về tiến độ thực hiện và các nội dung liên quan cho Bộ Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

10. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

- Tổ chức triển khai các nhiệm vụ thực hiệnmục tiêu cam kết đạt mức trung hòa các-bon trong phạm vi quản lý, chủ động huy động các nguồn lực để triển khai thực hiện.

- Cung cấp thông tin cho Bộ Tài nguyên và Môi trường về tình hình và kết quả triển khai các nhiệm vụ thực hiện mục tiêu cam kếttrong phạm vi quản lý; kịp thời báo cáo các phát sinh, khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

11. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, các bộ, ngành, địa phương huy động các doanh nghiệp tham gia thực hiện cam kết đạt mức trung hòa các-bon.

- Cung cấp thông tin cho Bộ Tài nguyên và Môi trường về kết quả thực hiện các cam kết đạt mức trung hòa các-bon trong phạm vihoạt động.

- Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường tăng cường kết nối với hiệp hội doanh nghiệp quốc tế và các nước để kêu gọi, thu hút sự tham gia hỗ trợ tài chính và công nghệ thực hiện cam kết đạt mức trung hòa các-bon.

- Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức đánh giá, tôn vinh các doanh nghiệp và cá nhân có thành tích xuất sắc trong các hoạt động hỗ trợ cộng đồng thích ứng với biến đổi khí hậu và đóng góp giảm phát thải khí nhà kính thực hiện mục tiêu cam kết./.

**PHỤ LỤC**

**CÁC NHÓM NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRIỂN KHAI KẾT QUẢ HỘI NGHỊ COP26**

| **STT** | **Nhóm nhiệm vụ** | **Cơ quan chủ trì** | **Cơ quan phối hợp** | **Thời gian thực hiện/ hoàn thành** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **I** | **Nhóm nhiệm vụ đổi mới thể chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch** | | | |
|  | Rà soát, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư cho ứng phó với biến đổi khí hậu phù hợp với mục tiêu cam kết; thúc đẩy ngân hàng xanh, tín dụng xanh | Bộ Kế hoạch và Đầu tư,  Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | Bộ Tài chính, Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp. | Tháng 6/2022 |
|  | Xây dựng và ban hành các quy định về thuế các-bon | Bộ Tài chính | Bộ Tài nguyên và Môi trường | 2022 - 2025 |
|  | Phát triển thị trường các-bon trong nước, kết nối với thị trường các-bon khu vực và thế giới (bao gồm thí điểm và vận hành chính thức) | Bộ Tài chính | Bộ Tài nguyên và Môi trường | 2022 - 2030 |
|  | Xây dựng hướng dẫn triển khai thực hiện cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon với quốc tế theo Điều 6 Thoả thuận Paris. | Bộ Tài nguyên và Môi trường | Các Bộ, ngành liên quan | 2023 |
|  | Xây dựng, ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, bao gồm xây dựng lộ trình hiện thực hóa tăng trưởng xanh gắn với phát triển kinh tế - xã hội với tầm nhìn dài hạn nhằm đạt được mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050. | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Các Bộ ngành, địa phương có liên quan | Tháng 6/2022 |
|  | Hướng dẫn cập nhật, lồng ghép mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào các chiến lược, quy hoạch đã được phê duyệt và cho giai đoạn mới. | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Các Bộ ngành, địa phương có liên quan | 2022 - 2025 |
|  | Rà soát, hoàn thiện các quy định mua sắm công theo hướng mua sắm xanh | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường | 2022 - 2023 |
|  | Xây dựng quy định, hướng dẫn giám sát các nguồn tài chính, hỗ trợ ứng phó với BĐKH phù hợp với pháp luật Việt Nam và yêu cầu của UNFCCC; Kêu gọi tổ chức quốc tế hỗ trợ Việt Nam tiếp cận hiệu quả các cơ chế tài chính khí hậu. | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ Tài chính, các Bộ ngành, địa phương có liên quan | Năm 2024 |
|  | Xây dựng, ban hành Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050 | Bộ Tài nguyên và Môi trường | Các Bộ ngành, địa phương có liên quan | Tháng 6/2022 |
|  | Xây dựng, ban hành Kế hoạch hành động quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2030 | Bộ Tài nguyên và Môi trường | Các Bộ ngành, địa phương có liên quan | Tháng 12/2022 |
|  | Xây dựng, ban hành Kế hoạch hành động giảm phát thải mê-tan giai đoạn đến năm 2030. | Bộ Tài nguyên và Môi trường | Các Bộ ngành, địa phương có liên quan | Tháng 12/2022 |
|  | Xây dựng, ban hành Chương trình hỗ trợ thực hiện NDC của Việt Nam phù hợp với mục tiêu cam kết. | Bộ Tài nguyên và Môi trường | Các Bộ ngành, địa phương có liên quan | Quý I/2022 |
|  | Xây dựng Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) lần thứ 2 của Việt Nam. | Bộ Tài nguyên và Môi trường | Các Bộ ngành, địa phương có liên quan | 2023 -2025 |
|  | Điều tra khảo sát biển phục vụ quy hoạch phát triển điện gió ngoài khơi gắn với Quy hoạch không gian biển quốc gia | Bộ Tài nguyên và Môi trường | Bộ Quốc phòng, các Bộ ngành, địa phương có liên quan | 2022 - 2023 |
| **II** | **Nhóm nhiệm vụ về chuyển đổi năng lượng và công nghiệp** | | | |
|  | Hoàn thiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045(Quy hoạch điện VIII) phù hợp với mục tiêu phát thải ròngbằng “0” vào giữa thế kỷ. | Bộ Công Thương | Các Bộ, ngành có liên quan | Tháng 02/2022 |
|  | Xây dựng, ban hành Kế hoạch quốc gia về chuyển đổi năng lượng giai đoạn 2021-2030, định hướng đến năm 2050. | Bộ Công Thương | Các Bộ ngành, địa phương có liên quan | Tháng 12/2022 |
|  | Nghiên cứu khả năng tham gia tuyên bố chấm dứt sản xuất xe chạy bằng xăng, dầu từ nay đến năm 2040. | Bộ Công Thương | Các Bộ, ngành, địa phương liên quan | 2022 |
|  | Phát triển công nghiệp năng lượng, bao gồm: (i) điện gió ngoài khơi (toàn bộ, từng phần); (ii) nhiên liệu Amoniac (đầu đốt phát điện - nhiên liệu Hydro); (iii) Hydro; (iv) hạt nhân (lò phản ứng mô-đun nhỏ (SMR); (v) giải pháp lưu trữ năng lượng. | Bộ Công Thương | Các Bộ: Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, các địa phương. | 2022 - 2030 |
|  | Xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng năng lượng mới, không phát thải. | Bộ Công Thương | Các Bộ, ngành, địa phương liên quan | 2022 - 2030 |
|  | Thực hiện giải pháp hiệu quả năng lượng trong dân dụng (nâng cao các quy định về hiệu suất tối thiểu đối với thiết bị, tòa nhà hiệu quả năng lượng, tòa xanh…) | Bộ Công Thương | Các Bộ, ngành, địa phương liên quan | 2022 - 2030 |
|  | Thực hiện giải pháp hiệu quả năng lượng trong công nghiệp (các ứng dụng, tận dụng nhiệt thải; đồng phát nhiệt điện; động cơ hiệu suất cao, biến tần) | Bộ Công Thương | Các Bộ, ngành, địa phương liên quan | 2022 - 2030 |
|  | Tăng cường điện khí hóa: tăng tỷ trọng các phương tiện/thiết bị sử dụng điện (thiết bị tòa nhà, lò điện công nghiệp, phương tiện giao thông sử dụng điện, hoạt động điện phân sản xuất hydrogen). | Bộ Công Thương | Các Bộ, ngành, địa phương liên quan | 2022 - 2030 |
|  | Hỗ trợ vận hành hệ thống điện trong bối cảnh tỷ lệ nguồn thu năng lượng tái tạo ngày càng tăng cao, lưới điện thông minh, lưới điện siêu nhỏ, phát triển vận hành các nguồn năng lượng mới, nguồn điện linh hoạt; quản lý nhu cầu điện và điều chỉnh phụ tải điện. | Bộ Công Thương | Các Bộ, ngành, địa phương liên quan | 2022 - 2030 |
|  | Thực hiện hấp thụ và lưu giữ các-bon (thu hồi, lưu trữ các-bon trong công nghiệp thực phẩm, phân bón hóa chất, vật liệu xây dựng, nông nghiệp, y học; tại các giếng dầu khai thác, các tầng địa chất) | Bộ Công Thương | Các Bộ, ngành, địa phương liên quan | 2022 - 2030 |
|  | Khảo sát, đánh giá và thực hiện kiểm kê phát thải khí mê-tan theo phương pháp bậc cao nhất cho lĩnh vực khai thác, chế biến khoáng sản, đốt nhiên liệu. | Bộ Công Thương | Các Bộ, ngành, địa phương liên quan | 2022 - 2030 |
| **III** | **Nhóm nhiệm vụ về hạ tầng xây dựng và giao thông** | | | |
|  | Nghiên cứu, xây dựng năng lực quản lý và tổ chức thực hiện giảm phát thải khí nhà kính trong hoạt động vận tải biển phù hợp với quy định của Tổ chức Hàng hải quốc tế (IMO) và cam kết tại COP26. | Bộ Giao thông vận tải | Các Bộ, ngành, địa phương liên quan | 2022 - 2023 |
|  | Nghiên cứu tham gia đàm phán sửa đổi Chiến lược giảm phát thải khí nhà kính từ tàu biển tại IMO | Bộ Giao thông vận tải | Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Ngoại giao | 2022 - 2023 |
|  | Xây dựng chính sách và triển khai lộ trình phát triển phương tiện giao thông điện chạy pin trên toàn quốc | Bộ Giao thông vận tải | Bộ Khoa học và Công nghệ | 2022 - 2025 |
|  | Xây dựng quy hoạch hệ thống giao thông đồng bộ phát thải các-bon thấp (đường sắt, đường bộ, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không). | Bộ Giao thông vận tải | Các Bộ, ngành liên quan | 2022 - 2025 |
|  | Điện khí hóa 07 tuyến đường sắt quốc gia hiện có | Bộ Giao thông vận tải | Các Bộ, ngành, địa phương liên quan | 2022 - 2050 |
|  | Đầu tư xây dựng mới 17 tuyến đường sắt quốc gia sử dụng năng lượng điện; 03 tuyến đường sắt tốc độ cao quốc gia Bắc - Nam | Bộ Giao thông vận tải | Các Bộ, ngành, địa phương liên quan | 2022 - 2050 |
|  | Thực hiện chuyển đổi từ phương tiện cá nhân sang phương tiện công cộng thông qua việc mở rộng hệ thống xe bus, BTR; triển khai hệ thống metro; xây dựng hệ thống đường sắt đô thị (Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh). | Bộ Giao thông vận tải | Các Bộ, ngành, địa phương liên quan | 2022 - 2050 |
|  | Thay đổi nhiên liệu bằng cách khuyến khích sử dụng nhiên liệu sinh học, xe máy điện, xe bus CNG, xe cá nhân và bus điện. | Bộ Giao thông vận tải | Các Bộ, ngành, địa phương | 2022 - 2030 |
|  | Nghiên cứu xây dựng “Lộ trình phát triển công trình xây dựng, đô thị phát thải các-bon thấp tiến tới phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050 phù hợp với cam kết của Việt Nam tại COP26” | Bộ Xây dựng | Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ Công Thương | 2022-2023 |
|  | Tăng cường năng lực; cập nhật, bổ sung cơ chế chính sách;xây dựng mới và sửa đổi bổ sung tiêu chuẩn quy chuẩn có liên quan; xây dựng cơ sở dữ liệu ứng phó với biến đổi khí hậu của ngành xây dựng | Bộ Xây dựng | Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ Công thương | 2022-2025 |
|  | Xây dựng cơ chế đánh giá, rà soát khu đô thị xanh trên cả nước đến 2030 (thí điểm đánh giá tại 3 vùng, duy trì kiểm tra đến 2030) | Bộ Xây dựng | Bộ Tài nguyên và môi trường; một số địa phương | 2022-2027 |
|  | Hỗ trợ 26 đô thị thí điểm thuộc Quyết định số 84/QĐ-TTg ngày 19/01/2018 về việc ban hành và thực hiện kế hoạch phát triển đô thị tăng trưởng xanh | Bộ Xây dựng | Bộ Tài nguyên và môi trường ; các đô thị được hỗ trợ | 2022-2027 |
|  | Nghiên cứu, xây dựng mô hình tòa nhà và đô thị phát thải các-bon thấp, trung hòa các-bon. Thí điểm áp dụng tại một số đô thị đại diện: 01đô thị ở miền Bắc, 01 đô thị duyên hải Miền Trung và 01 đô thị đồng bằng sông Cửu Long) | Bộ Xây dựng | Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ Công Thương; một số địa phương | 2023-2027 |
|  | Nghiên cứu xây dựng chính sách phát triển vật liệu xây dựng tiết kiệm năng lượng, phát thải các-bon thấp; thí điểm hỗ trợ đầu tư cải tiến công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng tại một số doanh nghiệp để giảm phát thải khí nhà kính (01 doanh nghiệp sản xuất xi măng, 01doanh nghiệp sản xuất gốm sứ vệ sinh, 01 doanh nghiệp sản xuất gạch) | Bộ Xây dựng | Bộ Tài nguyên và Môi trường; một số doanh nghiệp được lựa chọn | 2023-2027 |
| **IV** | **Nhóm nhiệm vụ về nông nghiệp, lâm nghiệp và sử dụng đất** | | | |
|  | Xây dựng: kế hoạch về giảm phát thải khí Mê-tan trong nông nghiệp, lâm nghiệp và sử dụng đất; rà soát NDCs ngành nông nghiệp; kế hoạch ứng phó với BĐKH ngành nông nghiệp và PTNT giai đoạn 2021-2025ban hành Kế hoạch quốc gia thực hiện Tuyên bố Glasgow về rừng và sử dụng đất giai đoạn 2021-2030, định hướng đến năm 2050; | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Bộ Tài nguyên và Môi trường, các Bộ, ngành liên quan | 2022 |
|  | Bảo vệ, bảo tồn và sử dụng bền vững rừng và đất lâm nghiệp để tăng lượng hấp thụ các-bon rừng | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Bộ Tài nguyên và Môi trường, các Bộ, ngành, địa phương. | 2022 - 2030 |
|  | Trồng rừng, phát triển rừng, ưu tiên rừng sản xuất, rừng gỗ lớn và rừng ven biển; phục hồi rừng phòng hộ và rừng đặc dụng | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Bộ, ngành, địa phương. | 2022 - 2030 |
|  | Khoanh nuôi phục hồi rừng tự nhiên, xúc tiến tái sinh và làm giàu rừng trên các vùng đất được quy hoạch cho lâm nghiệp; nâng cao chất lượng và trữ lượng các-bon rừng. | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Bộ, ngành, địa phương. | 2022 - 2030 |
|  | Ứng dụng các giải pháp quản lý, công nghệ trong trồng trọt, chăn nuôi; cải thiện khẩu phần ăn cho vật nuôi; chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng; thay đổi phương thức sử dụng đất. | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Bộ, ngành, địa phương. | 2022 - 2030 |
|  | Ứng dụng công nghệ xử lý và tái sử dụng phụ phẩm, chất thải trong sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi; phát triển nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ. | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Bộ, ngành, địa phương. | 2022 - 2030 |
|  | Triển khai các dự án, chương trình hấp thụ các-bon từ rừng ngập mặn, tảo biển (blue carbon). | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Bộ, ngành, địa phương. | 2022 - 2030 |
|  | Phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, nâng cao khả năng chống chịu, thích ứng với biến đổi khí hậu. | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Bộ, ngành, địa phương. | 2022 - 2030 |
|  | Khảo sát, đánh giá và thực hiện kiểm kê phát thải khí mê-tan theo phương pháp bậc cao nhất cho lĩnh vực sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Bộ, ngành, địa phương liên quan | 2022 - 2030 |
| **V** | **Nhóm nhiệm vụ trong lĩnh vực môi trường** | | | |
|  | Triển khai các biện pháp chôn lấp chất thải rắn có thu hồi khí cho phát điện và chôn lấp bán hiếu khí, phát điện sinh khối. | Bộ Tài nguyên và Môi trường | Các Bộ: Khoa học công nghệ, các Bộ, ngành, địa phương | 2022 - 2030 |
|  | Triển khai rộng mô hình sản xuất phân compost từ chất thải sinh hoạt. | Bộ Tài nguyên và Môi trường | Các Bộ: Khoa học công nghệ, các Bộ, ngành, địa phương | 2022 - 2030 |
|  | Xây dựng và triển khai hệ thống xử lý đốt chất thải rắn phát điện. | Bộ Tài nguyên và Môi trường | Các Bộ: Khoa học công nghệ, các Bộ, ngành, địa phương | 2022 - 2030 |
|  | Áp dụng mô hình tuần hoàn xử lý chất thải phục vụ sản xuất vật liệu nhựa sinh học, vật liệu tái chế, năng lượng. | Bộ Tài nguyên và Môi trường | Các Bộ: Khoa học công nghệ, các Bộ, ngành, địa phương | 2022 - 2030 |
|  | Khảo sát, đánh giá và thực hiện kiểm kê phát thải khí mê-tan theo phương pháp bậc cao nhất cho lĩnh vực xử lý chất thải và nước thải. | Bộ Tài nguyên và Môi trường | Các Bộ, ngành, địa phương liên quan | 2022 - 2030 |
| **VI** | **Nhóm các nhiệm vụ chung về thích ứng với biến đổi khí hậu** | | | |
|  | Rà soát, cập nhật Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu (NAP) phù hợp với mục tiêu cam kết. | Bộ Tài nguyên và Môi trường | Các Bộ ngành, địa phương có liên quan | 2022 - 2023 |
|  | Ban hành hệ thống giám sát và đánh giá các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu cấp quốc gia | Bộ Tài nguyên và Môi trường | Các Bộ ngành, địa phương liên quan | Quý I/2022 |
|  | Tập trung phát triển hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai cho các khu vực dễ bị tổn thương đặc biệt là khu vực ven biển. | Bộ Tài nguyên và Môi trường | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Bộ, ngành,địa phương | 2022 - 2030 |
|  | Triển khai các giải pháp thích ứng dựa vào thiên nhiên (NBS) và các giải pháp dựa vào công đồng. | Bộ Tài nguyên và Môi trường | Các Bộ, ngành, địa phương | 2022 - 2030 |
|  | Tăng cường năng lực quan trắc, cảnh báo, dự báo khí tượng thủy văn, thiên tai và năng lực truyền tin. | Bộ Tài nguyên và Môi trường | Các Bộ, ngành, địa phương | 2022 - 2030 |
|  | Xây dựng hệ thống giám sát biến đổi khí hậu và nước biển dâng. | Bộ Tài nguyên và Môi trường, | Các Bộ, ngành, địa phương | 2022 - 2030 |
|  | Nghiên cứu, xây dựng mô hình đô thị và cụm dân cư nông thôn thích ứng với biến đổi khí hậu. Thí điểm áp dụng để quy hoạch xây dựng cho một số đô thị và cụm dân cư nông thôn thích ứng biến đổi khí hậu (01 đô thị và 01 cụm dân cư Phía Bắc, 01đô thị và 01 cụm dân cư nông thôn vùng duyên hải Miền Trung, 01 đô thị và cụm dân cư đồng bằng sông Cửu Long) | Bộ Xây dựng | Bộ Tài nguyên và Môi trường; một số địa phương được chọn | 2023-2027 |
|  | Thực hiện Chương trình xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long (theo Chỉ thỉ số 23/CT-TTg) | Bộ Xây dựng | Bộ Tài nguyên và Môi trường; các tỉnh ĐBSCL | 2023-2027 |
|  | Hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng, tránh bão, lụt khu vực miền Trung | Bộ Xây dựng | Bộ Tài nguyên và Môi trường; các tỉnh Miền Trung | 2023-2027 |
|  | Khảo sát, đánh giá nguy cơ sạt lở đất đô thị và khu dân cư tập trung tại các tỉnh miền núi Phía Bắc và Miền Trung do mưa lũ; xây dựng giải pháp thích ứng (khoảng 33 tỉnh). | Bộ Xây dựng | Bộ Tài nguyên và Môi trường và các địa phương được khảo sát, đánh giá | 2023-2027 |
|  | Tổng rà soát, đánh giá các đô thị đáp ứng tiêu chí năng lực chống chịu, ứng phó với biến đổi khí hậu theo Quyết định số 438/QĐ-TTg ngày 25/3/2021 (khoảng 40 đô thị), đề xuất bộ tiêu chí mới. | Bộ Xây dựng | Bộ Tài nguyên và Môi trường và các địa phương được rà soát | 2023-2030 |
| **VII** | **Nhóm nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, tăng cường năng lực, nâng cao nhận thức** | | | |
|  | Xây dựng danh mục công nghệ sạch, phát thải các-bon thấp trong các ngành sản xuất để tạo thuận lợi cho huy động đầu tư; ưu tiên phân bổ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo cho tăng trưởng xanh, chú trọng các nhiệm vụ có kinh phí đối ứng của doanh nghiệp. | Bộ Khoa học và Công nghệ | Các Bộ: Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Xây dựng | 2022 - 2030 |
|  | Xây dựng và thực hiện Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu và chuyển đổi năng lượng. | Bộ Khoa học và Công nghệ | Các Bộ: Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, các cơ quan có liên quan | 2022 - 2030 |
|  | Xây dựng và thực hiện Chương trình truyền thông, nâng cao nhận thức về ứng phó với biến đổi khí hậu | Bộ Tài nguyên và Môi trường | Các Bộ, ngành, địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội. | 2022 - 2030 |
|  | Xây dựng và triển khai các chương trình giáo dục và đào tạo tích hợp nội dung ứng phó BĐKH ở các cấp học. | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Bộ Tài nguyên và Môi trường, các Bộ, ngành liên quan | 2022 - 2030 |
|  | Hỗ trợ tăng cường năng lực trong kiểm kê phát thải khí nhà kính (đào tạo, trang thiết bị, phương pháp…); Xây dựng các hệ số phát thải của từng lĩnhvực (lúa, thức ăn/chất thải trong chăn nuôi, lâm nghiệp/sử dụng đất…) cho phù hợp với điều kiện của Việt Nam và nâng cao độ chính xác | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Bộ, ngành, địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội. | 2022-2030 |
|  | Thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển giao các công nghệ giảm phát thải hiệu quả trong lĩnh vực nông nghiệp cho Việt Nam, nông nghiệp thông minh thích ứng với khí hậu (CSA); Rà soát các mô hình giảm phát thải trong lĩnh vực nông nghiệp, các thực hành nông nghiệp thông minh với khí hậu, nông nghiệp tuần hoàn… phù hợp, có khả năng nhân rộng | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Bộ, ngành, địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội. | 2022-2030 |
|  | Gắn kết các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng với nhu cầu của doanh nghiệp, nhu cầu của Hệ thống lương thực thực phẩm và nền kinh tế, trong đó giảm phát thải khí nhà kính trong sản xuất nông nghiệp sẽ là một trong những nội dung trọng tâm | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Bộ, ngành, địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội. | 2022-2030 |
| **VIII** | **Nhóm nhiệm vụ về an sinh xã hội, chuyển đổi công bằng** | | | |
|  | Phát triển các mô hình an sinh xã hội, chuyển đổi công bằng phù hợp với điều kiện tự nhiên, sinh thái, xã hội của các vùng, miền. | Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội | Các Bộ, ngành, địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội. | 2022 - 2030 |
| **IX** | **Nhóm nhiệm vụ về ngoại giao khí hậu** | | | |
|  | Triển khai các hoạt động ngoại giao khí hậu, huy động nguồn lực quốc tế thưc hiện các cam kết, nâng cao vai trò và vị thế của Việt Nam tại các tổ chức, cơ chế, diễn đàn đa phương. | Bộ Ngoại giao | Bộ Tài nguyên và Môi trường, các Bộ, ngành. | 2022 - 2030 |

**Tổng cộng có 9 nhóm nhiệm vụ lớn với 73 nhiệm vụ cụ thể**